

Công ty CP Thép Hòa Phát
Hải Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2026/THPHD

Hải Phòng, ngày 13 tháng 07 năm 2026

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch
vụ bán trong nước hoặc xuất
khẩu

Kính gửi: Sở xây dựng Thành phố Hải Phòng

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 12/07/2026

Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Chảo

- Họ và tên người nộp văn bản: Cao Thị Duyên.
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc: 0947.0974.88
- Email: caothiduyen@hoaphat.com.vn
- Số fax:

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)



Hải Phòng, ngày 13 tháng 07 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 101 ngày 13 Tháng 07 năm 2026 của Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này (VNĐ)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
1	Thép thanh mức thấp (CB240-T/SD295/CB300V/Gr40)	Đường kính từ D10-D32	Tấn	Bán buôn		15.840.000				Giá đã bao gồm VAT 10%
2	Thép thanh mức cao (SD345/SD390/CB400V/CB500V/B500B/CB600/Gr60)	Đường kính từ D10-D32	Tấn	Bán buôn		16.060.000				Giá đã bao gồm VAT 10%
3	Thép cuộn CB240T, CB300/CB400	Đường kính từ D6-D16)	Tấn	Bán buôn		15.543.000				Giá đã bao gồm VAT 10%

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này (USD)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
1	Thép cuộn tròn phi 8.5/9.5 SWRM17	Phi 8.5-9.5	AUSTRALIA	Tấn		635				Giá FOB
2	Thép thanh vằn D12/D16/D36 500N L=6m	D12/D16/D36	AUSTRALIA	Tấn		635				Giá FOB
3	Thép thanh vằn D20/D32 500N L=10m	D20-D32	AUSTRALIA	Tấn		615				Giá FOB

8466
GTY
PHÂN
ĐÀ PH
DƯỠN
PHỐ

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: **10%**

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.

